TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 461/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2018.
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Trương Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1236/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXXST-DS ngày 09/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị T; địa chỉ cư trú: Số 150A đường S, Phường C, Quận B, TP. Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: A –C, đường N, phường L, Quận H, TP. Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Phú K là luật sư của Văn phòng Luật sư K– thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Thẻ Luật sư số X/LS, ngày 01/8/2010)(Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K; địa chỉ cư trú: Số V đường H, Phường N, quận G, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2017 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày:

Bà xây dựng gia đình cùng với ông Nguyễn Văn K vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường C, Quận B, TP. Hồ Chí Minh. Trong quá trình sống chung, bà và ông K có hai con chung. Mâu thuẫn gia đình xảy ra từ nhiều năm nay. Nguyên nhân do chênh lệch về tuổi tác nên dẫn đến bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống. Đỉnh điểm vào năm 2016 mâu thuẫn nhiều hơn, những khi vợ chồng xảy ra xung đột, cãi vã là ông K có hành vi bạo hành đối với bà, những lúc ông K say xỉn thì ông K gần như mất hết lí trí, sự việc xảy ra nhiều lần như vậy làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của bà, vì muốn giữ thể diện cho ông K nên trong thời gian sống ở quận Gò Vấp bà không trình báo chính quyền địa phương. Bản thân bà đã vì con nên chịu đựng và tìm cách giải quyết mâu thuẫn cũng như khuyên nhũ ông K nhưng không có kết quả, ông K vẫn chứng nào tật ấy làm cho mẹ con bà rất mệt mỏi và bà xác định không thể tiếp tục sống chung với ông K. Vào tháng 03/2017 bà đã dọn đến ở địa chỉ A –C, đường N, phường Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo an toàn cho bà, trong thời gian này bà đi làm và tối về quận Gò Vấp chăm sóc các con nhưng không ở lại nhà vì tránh xung đột với ông K, sau đó để tiện chăm sóc con và làm việc bà đã đưa các con đến sống chung với bà tại Quận 2. Trong thời gian sống ly thân, bà mong muốn ông K suy nghĩ lại và thay đổi để vợ chồng sống vui vẻ cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, ông K không những không thay đổi mà vẫn tìm kiếm bà gây rối và tiếp tục bạo hành đối với bà, do không thể chịu đựng được nữa nên bà trình báo công an phường Cát Lái, Quận 2 và bảo vệ Tòa nhà nơi mẹ con bà đang ở, một số lần bảo vệ có lập biên bản nhưng họ không còn lưu trữ nên bà không xin được biên bản để cung cấp cho Tòa. Bà đã yêu cầu Ban quản lý Tòa nhà xác nhận cho những sự việc ông K đánh bà trong thời gian trước đây, do Ban quản lý Tòa nhà có sự thay đổi nên những người mới làm việc ở đây không xác nhận cho bà, những gì bà trình bày là đúng sự thật. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K để sớm ổn định cuộc sống của mình.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Lương Tiến M, sinh ngày 03/8/2007 và Nguyễn Lương Gia P, sinh ngày 18/01/2010. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông K không đến Tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Ông K vắng mặt trong các buổi mời làm việc tại Tòa án cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của ông K cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do ông K cung cấp. Tòa án vẫn

tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào các ngày 21/12/2017 và ngày 16/01/2018 theo quy định pháp luật và đã gửi thông báo kết quả các phiên họp (kèm theo các tài liệu, chứng cứ đã được công bố tại phiên họp) cho ông K được biết.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông K vắng mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Thời gian mâu thuẫn giữa bà T và ông K kéo dài mà hai bên không giải quyết được. Bản thân ông K không tôn trọng pháp luật, Công an phường Cát Lái mời làm việc cũng không đến, ông K không đến Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện ông K bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và để tránh việc bà T tiếp tục phải chịu việc bạo hành gia đình, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của bà T, cụ thể: Giải quyết cho bà T được ly hôn với ông K. Về con chung hiện hai trẻ M và P đang sống ổn định với bà T và các cháu có nguyện vọng ở với mẹ, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định tư cách tố tụng; thu thập chứng cứ; thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thủ tục cấp, tống đạt, niêm yết; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng của ông K và bà T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ để chấp nhận. Về con chung, hiện hai trẻ đang sống ổn định với mẹ và mong muốn được ở với mẹ nên yêu cầu nuôi con chung của bà T là có căn cứ. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông K. Về án phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Lương Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn K đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vụ kiện do Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh thụ lý và chuyển cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền, lý do chuyển vụ án, căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường N, quận G thì ông K có địa chỉ tại quận Gò Vấp. Như vậy, Quyết định chuyển vụ án của Tòa án Quận 3 là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông K có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị T và ông Nguyễn Văn K xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2007 ngày 13/4/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được điều chỉnh bởi luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T. Bà T xin ly hôn với ông K vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện nay vợ

chồng bà không còn sống chung. Hội đồng xét xử xét thấy Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương tôn trọng giữa hai vợ chồng. Vợ chồng phải cùng có trách nhiệm vun đắp, xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng có trách nhiệm thương yêu, nuôi nấng, dạy dỗ con cái trưởng thành. Vào tháng 4 năm 2017 bà T và ông K cùng có đơn yêu cầu giải quyết việc thuận tình ly hôn nhưng đã rút đơn và Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự số 296/2017/QĐHNGĐ-ST, ngày 03/4/2017. Đến tháng 7 năm 2010 bà T khởi kiện xin ly hôn với ông K. Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn cũng như việc nuôi con của đương sự để có cơ sở giải quyết vụ kiện. Kết quả xác minh của chính quyền địa phương tại phường Cát Lái, Quận 2 trả lời là không rõ. Tại kết quả xác minh địa phương ở quận Gò Vấp (nơi bà T và ông K sống chung trong thời gian chưa ly thân) thể hiện vợ chồng bà T và ông K có mâu thuẫn, bà T và ông K không còn sống chung từ tháng 3/2017. Nội dung xác minh sự việc bạo hành của Công an phường Cát Lái , Quận 2 thể hiện bà T có đến trình báo về việc bà bị ông K chửi và xúc phạp danh dự, công an đã mời ông K (03 lần) đến làm việc nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Như vậy, kết quả xác minh của chính quyền địa phương tại quận Gò Vấp cũng như xác minh của Công an phường Cát Lái, Quận 2 là phù hợp với lời trình bày của bà T. Mặt khác, trước đây ông K và bà T cùng thống nhất việc thuận tình ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án Quận 3 giải quyết ly hôn đã thể hiện giữa họ có mâu thuẫn xảy ra, mặc dù sau đó đã rút đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tổ chức các buổi hòa giải để tạo cơ hội nhằm mục đích giúp các đương sự giải quyết mâu thuẫn để trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng có trách nhiệm chăm lo cho con chung nhưng ông K không đến Tòa, điều đó chứng tỏ ông K không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu được nuôi con của bà T: Do ông K không đến Tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông K về con chung. Tuy nhiên, căn cứ bản sao giấy khai sinh số 20, quyển số 1/2008 và bản sao giấy khai sinh số số 91 quyển số 1/2010 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2013 đã thể hiện hai trẻ Nguyễn Lương Tiến M và Nguyễn Lương Gia Phú là con chung của bà T và ông K. Sau khi bà T và ông K sống ly thân được vài tháng thì bà T đã đón các con về cùng chung sống tại Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, hiện hai trẻ M và P đang sống ổn định với bà T và đang theo học tại trường Tiểu học M, Quận H, TP. Hồ Chí Minh. Qua bảng kết quả học tập của nhà trường thể hiện các cháu hoàn thành và hoàn thành tốt, năng lực phẩm chất của các cháu tốt và đã đạt. Ý kiến của Hội Liên hiệp Phụ nữ Phường N, quận G do hai con còn nhỏ, nếu ly hôn hai bé sống cùng mẹ sẽ thuận tiện trong việc chăm sóc hơn. Mặt khác, hai trẻ có nguyện vọng mong muốn sống chung với mẹ. Hội

đồng xét xử xét thấy hiện nay hai trẻ đang sống cùng bà T nên để đảm bảo sự ổn định cho việc học tập cuộc sống và cũng là phù hợp nguyện vọng của các cháu, nên giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, xét việc không yêu cầu là ý chí tự nguyện của bà T và không trái pháp luật nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết và do ông K vắng mặt không ghi nhận được ý kiến của ông K nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lương Thị T phải chịu án phí là 300.000 đồng, theo quy định tại tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và ông K ngày 13/4/2007 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Lương Tiến M, sinh ngày 03/8/2007 và Nguyễn Lương Gia P, sinh ngày 18/01/2010 đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Lương Thị T chịu nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0019145 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luậ t thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND quận Gò Vấp;
-Chi cục THADS quận Gò Vấp;
-Các đương sự;
-Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦTỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thành Huế